

Số: /BC-UBND

Khánh Sơn, ngày tháng 6 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính quý II năm 2020 trên địa bàn huyện Khánh Sơn**

Thực hiện Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 18/02/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020 và Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND huyện Khánh Sơn về ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020 trên địa bàn huyện Khánh Sơn, UBND huyện Khánh Sơn báo cáo kết quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính quý II cụ thể như sau:

#### **I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

##### **1. Về công khai thủ tục hành chính**

UBND huyện Khánh Sơn tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, trong đó có quy định công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

UBND huyện Khánh Sơn đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn có liên quan và UBND các xã, thị trấn thường xuyên cập nhật các thủ tục hành chính, niêm yết công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, tiếp nhận phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Cổng thông tin điện tử của huyện bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ các thủ tục hành chính tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đồng thời có cơ sở, điều kiện để thực hiện quyền giám sát quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ, công chức.

*(Kèm Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện và cấp xã theo Phụ lục 5).*

##### **2. Về tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

\* Cấp huyện:

- Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong quý II năm 2020 là: 147 hồ sơ, trong đó có 111 Hồ sơ mới tiếp nhận; 36 hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyển qua;

- Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến) cấp huyện: đã giải quyết

112 hồ sơ (trong đó có 111 hồ sơ giải quyết trước hạn và 01 hồ sơ trễ hạn); đang giải quyết 35 hồ sơ (trong đó có 35 hồ sơ chưa đến hạn, 0 hồ sơ quá hạn).

- Tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: Trong quý II, UBND huyện đã giải quyết 17 hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3 thuộc các lĩnh vực hoạt động xây dựng, giáo dục và đào tạo, kế hoạch đầu tư.

\* Cấp xã:

- Tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC trong quý II năm 2020 là: 2.402 hồ sơ trong đó có 2.390 Hồ sơ mới tiếp nhận; 12 hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyên qua;

- Kết quả giải quyết TTHC (bao gồm cả hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; theo dịch vụ công trực tuyến) cấp xã: đã giải quyết 2.379 hồ sơ (trong đó có 2.377 hồ sơ giải quyết trước hạn và 02 hồ sơ trễ hạn); đang giải quyết 23 hồ sơ.

- UBND cấp xã đã tiếp nhận và giải quyết được 215 hồ sơ thủ tục hành chính mức độ 3 thuộc lĩnh vực tư pháp hộ tịch.

### **3. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC**

Thực hiện Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; UBND huyện Khánh Sơn đã tổ chức thực hiện tốt các văn bản hướng dẫn trên, đã niêm yết công khai địa chỉ cơ quan, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ Email của Văn phòng UBND tỉnh để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của công dân về quy định hành chính tại trụ sở Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả của cấp huyện, cấp xã.

Trong quý II năm 2020 chưa có cá nhân, tổ chức nào phản ánh, kiến nghị về các thủ tục hành chính liên quan đến phạm vi giải quyết của UBND huyện Khánh Sơn và của UBND cấp xã.

### **4. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC**

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 04/3/2020, trong đó có nội dung rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính; UBND huyện Khánh Sơn đã nghiêm túc rà soát các quy định, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, UBND huyện thường xuyên thực hiện công tác thống kê, bổ sung, cập nhật, thay thế các thủ tục hành chính khi có quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính mới của UBND tỉnh và rà soát những thủ tục hành chính hết hiệu lực. Qua rà soát UBND huyện Khánh Sơn đề xuất thực hiện đơn giản hóa đối với thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai: Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân.

### **5. Công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC**

UBND huyện Khánh Sơn tiếp tục quán triệt các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, UBND tỉnh về công tác thông tin tuyên truyền cải cách hành chính, đảm bảo công tác tuyên truyền cải cách hành chính thực sự đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả. Công tác truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện trong quý II năm 2020 được các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú như: Thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, xây dựng các tin, bài phát trên đài truyền thanh – truyền hình huyện, trên Cổng thông tin điện tử huyện; thông qua các cuộc họp UBND huyện thường kỳ hàng tháng và các cuộc họp theo chuyên đề của UBND huyện; lồng ghép thông tin về cải cách thủ tục hành chính thông qua các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước...

## **6. Về công tác kiểm tra thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính**

Đối với UBND huyện Khánh Sơn việc kiểm tra thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, liên tục; UBND huyện giao Văn phòng HĐND và UBND huyện theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra công tác xây dựng Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính tại các đơn vị sao cho đúng thời gian, nội dung quy định; kiểm tra việc xây dựng các báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính quý II năm 2020 tại các đơn vị, địa phương. Qua đó nhận thấy các đơn vị, địa phương đã quan tâm đến việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, đã xây dựng Kế hoạch và báo cáo đúng biểu mẫu và thời gian quy định.

Thông qua hoạt động kiểm tra đã giúp UBND huyện Khánh Sơn kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để đề ra những giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **7. Kết quả thực hiện Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí:**

Thực hiện Quyết định số 1380/QĐ-TTg ngày 18/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí và Quyết định 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về ban hành quy chế giải quyết liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí, UBND huyện Khánh Sơn đã triển khai cho các cơ quan, UBND các xã, thị trấn niêm yết công khai các thủ tục hành chính, tổ chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ.

Sau khi UBND tỉnh ban hành Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết liên thông thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tuất/ hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, UBND huyện Khánh Sơn đã

triển khai xuống các cơ quan, UBND các xã, thị trấn biết, nắm rõ quy trình thực hiện để tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo thời gian đã phân định.

Từ ngày 16/3/2019 đến ngày 15/6/2020 đã tiếp nhận và giải quyết 04 hồ sơ liên thông về thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí; trong đó có 03 hồ sơ giải quyết đối với đối tượng là thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng; người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007. Tất cả hồ sơ đều được giải quyết sớm hạn.

#### **8. Tình hình, kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Điều 11 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ.**

UBND huyện Khánh Sơn đã triển khai thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông cấp huyện và cấp xã theo đúng quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Tình hình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cấp huyện và cấp xã: (Đính kèm biểu 06b/VPCP/KSTT).

Tình hình công khai danh mục thủ tục hành chính: UBND huyện Khánh Sơn đã chỉ đạo các phòng ban chuyên môn có liên quan và UBND các xã, thị trấn thường xuyên cập nhật các thủ tục hành chính, niêm yết công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã theo đúng quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ; công khai tên Trang thông tin điện tử của huyện.

Tình hình, kết quả thực hiện đánh giá về việc giải quyết thủ tục hành chính: *(Kèm theo bản đánh giá thực hiện thủ tục hành chính).*

#### **9. Tình hình triển khai một số công việc phục vụ vận hành Cổng dịch vụ công quốc gia:**

Căn cứ hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 3617/UBND-KSTT ngày 15/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc hưởng ứng sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân và doanh nghiệp trong bối cảnh dịch Covid 19, UBND huyện Khánh Sơn chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc huyện, UBND các xã và thị trấn tổ chức thực hiện công khai danh mục thủ tục hành chính kèm theo Thư ngỏ của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ tại trụ sở và trên Cổng/thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến hãy truy cập vào cổng Dịch vụ công quốc gia để đăng ký tài khoản và thực hiện theo hướng dẫn tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/> để hạn chế việc đi lại, tiếp xúc trực tiếp.

Hướng dẫn công chức tạo lập tài khoản và xử lý hồ sơ dịch vụ công hỗ trợ đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên Cổng dịch vụ công Quốc gia;

hướng dẫn tạo lập tài khoản trên cổng dịch vụ công quốc gia để thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao từ bản chính hoặc để kiểm tra, xác thực kết quả chứng thực bản sao điện tử từ bản chính cho cán bộ và công chức phụ trách lĩnh vực tư pháp cấp huyện và cấp xã.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Được sự quan tâm, hướng dẫn của UBND tỉnh, UBND huyện Khánh Sơn đã chỉ đạo các đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn. Nhìn chung công tác kiểm soát thủ tục hành chính đã góp phần đáng kể trong công cuộc cải cách hành chính tại huyện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nước tại UBND huyện Khánh Sơn; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến thực hiện các thủ tục hành chính, đem đến sự hài lòng của người dân. Trong quý II năm 2020 phần lớn các thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Khánh Sơn đều được giải quyết trước hạn.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KỲ TIẾP THEO**

Trong quý III năm 2020 UBND huyện Khánh Sơn tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn:

- Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện các thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn; xây dựng Kế hoạch kiểm tra kiểm soát thủ tục hành chính năm 2020.

- Tổ chức rà soát, thống kê cập nhật công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

- Duy trì cơ chế, xử lý kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về quy định thủ tục hành chính; về hành vi của cán bộ, công chức bằng hình thức công khai đường dây nóng, hòm thư góp ý.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng cho công chức làm công tác kiểm soát TTHC và cán bộ đầu mối.

## **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

1. Tại Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (BYT-KHA-287064-01) được công khai tại trung tâm hành chính công trực tuyến tỉnh Khánh Hòa, mục Căn cứ pháp lý: Còn niêm yết Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ban hành Quy định phân công nhiệm vụ quản lý về ATTP thuộc lĩnh vực Y tế. Tuy nhiên quyết định này đã được thay thế bởi quyết định 3516/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 19/11/2019 về việc ban hành quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước

về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Đề nghị thay thế quyết định nói trên cho phù hợp.

2. Kiến nghị cập nhật 02 thủ tục hành chính về Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch Covid-19 và Thủ tục Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19 (theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa); kiến nghị gỡ bỏ thủ tục “Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ” trên Trang hành chính công tỉnh Khánh Hòa.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính quý II năm 2020 của UBND huyện Khánh Sơn./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Phòng KSTTHC (VP. UBND tỉnh);
- LĐVP;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Bo Bo Thị Yến**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHÁNH SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Khánh Sơn)*

<b>TT</b>	<b>Thủ tục hành chính</b>	<b>Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Quyết định công bố hoặc công bố danh mục TTHC</b>	<b>Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC</b>	<b>Ghi chú</b>
1.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền hoặc cho thuê đất	T-KHA-266948-TT	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
2.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	BTM-KHA-265121	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019		
3.	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (bao gồm thẩm định nhu cầu sử dụng đất)	BTM-KHA-265123	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
4.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	BTM-KHA-265124	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
5.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	BTM-KHA-265130	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	

6.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	BTM-KHA-265108	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
7.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	BTM-KHA-265135	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
8.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	BTM-KHA-265136	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
9.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	BTM-KHA-265137	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
10.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	BTM-KHA-265143	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
11.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	BTM-KHA-265145	đất đai	Quyết định 1003/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 23/5/2019	
12.	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	1.005742	Môi trường	Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 19/02/2020	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa	
13.	Đăng ký/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	1.004138	Môi trường	Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 19/02/2020	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	
14.	Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới	01408017	Tài nguyên nước	Quyết định Số 933/QĐ-UBND ngày 11/4/2017		



	đất					
15.	Thủ tục lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện công bố các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước nội tỉnh	01408018	Tài nguyên nước	Quyết định số 933/QĐ-UBND ngày 11/4/2017		
16.	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh karaoke	1.000903	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
17.	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh karaoke	1.000831	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
18.	Thay đổi thông tin khai báo dịch vụ photocopy	2.001762	Xuất bản	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 23/7/	Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	
19.	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	2.001931	Xuất bản	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	
20.	Công nhận lần đầu “Cơ quan văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”	1.004648	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
21.	Thủ tục xét tặng khu dân cư văn hóa hàng năm	2.000440	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
22.	Thủ tục tặng giấy khen khu dân cư văn hóa	1.000933	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
23.	Công nhận lần đầu “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	1.004634	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
24.	Công nhận lại “phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”	1.004622	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
25.	Công nhận lần đầu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1.004646	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	

26.	Công nhận lại “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”	1.004644	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
27.	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	1.003645	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
28.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	1.003635	Văn hóa cơ sở	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
29.	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 đến dưới 2.000 bản	1.007123	Thư viện	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
30.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003243	Gia đình	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
31.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.002326	Gia đình	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
32.	Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003185	Gia đình	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
33.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	1.003140	Gia đình	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
34.	Thủ tục cấp lại chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	1.003103	Gia đình	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
35.	Thủ tục đổi chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng chống bạo lực gia đình	1.001874	Gia đình	Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	
36.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò	2.001885	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	

	chơi điện tử công cộng		tử		
37.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001786	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019
38.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001884	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019
39.	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001880	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 06/9/2019
40.	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền		Lao động tiền lương BHXH	Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	Quyết định số 2342/QĐ-UBND ngày 17/07/2019
41.	Gửi thang lương, bảng lương định mức lao động của Doanh nghiệp		Lao động tiền lương BHXH	Quyết định số 1831/QĐ-UBND ngày 12/6/2019	
42.	Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch COVID-19	1.008360	Lao động, tiền lương	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	
43.	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngưng việc đối với người lao động phải ngưng việc do đại dịch COVID-19	1.008365	Lao động, tiền lương	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	
44.	Hỗ trợ hộ kinh doanh phải tạm ngừng kinh doanh do đại dịch COVID-19	1.008362	Việc làm	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	
45.	Hỗ trợ người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc do đại dịch COVID-19 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp	1.008363	Việc làm	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	

	thất nghiệp					
46.	Hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do đại dịch COVID-19	1.008364	Việc làm	Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/5/2020		
47.	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		Bảo vệ chăm sóc trẻ em	Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018		
48.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.		Bảo vệ chăm sóc trẻ em	Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018		
49.	Thủ tục hoãn hoặc miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người không tự nguyện nhưng có khả năng tái nghiệp cao		Phòng chống tệ nạn xã hội	Quyết định số 3339/QĐ-UBND ngày 31/10/2016		
50.	Thủ tục hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng		Quản lý lao động ngoài nước	Quyết định số 1064/QĐ-UBND ngày 20/04/2018		
51.	Thủ tục thành lập hội đồng trường trung cấp Công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện		Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 04/05/2019	Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	
52.	Thủ tục miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp Công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện		Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 04/05/2018		

53.	Thủ tục cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp Công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện		Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 04/05/2018		
54.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, thị xã, thành phố.	2.002284	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 23/4/2020		
55.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài	2.001960	Giáo dục nghề nghiệp	Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 23/4/2020		
56.	Thủ tục trợ giúp xã hội đột xuất đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 20/4/2018		
57.	Thủ tục Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài Công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
58.	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài Công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 20/2/2019	Quyết định 2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	

59.	Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài Công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
60.	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 20/2/2019	Quyết định 2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	
61.	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
62.	Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
63.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng Bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
64.	Thủ tục tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		Bảo trợ xã hội	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
65.	Cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sỹ và hỗ trợ đi thăm viếng mộ liệt sỹ		Người có công	Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018		
66.	Hỗ trợ người có công đi làm phương tiện, dụng cụ trợ giúp chính hình đi		Người có công	Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018		

	điều trị phục hồi chức năng					
67.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chia	1.004964	Người có công	Quyết định số 1298/QĐ-UBND ngày 05/6/2020		
68.	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.001228	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
69.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	2.000267	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
70.	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	1.000316	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
71.	Thủ tục thông báo tổ chức Hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	1.001220	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
72.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	1.001212	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
73.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.001204	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
74.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách cơ sở tôn giáo, địa	1.001199	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	

	điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện					
75.	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.	1.001180	Tôn giáo	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
76.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	2.000414	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
77.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	1.000804	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
78.	Thủ tục tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến"	2.000385	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
79.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	2.000364	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
80.	Thủ tục tặng danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến"	2.000402	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
81.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	2.000374	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
82.	Thủ tục tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"	1.000843	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
83.	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND	2.000356	Thi đua khen thưởng	931/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	



	cấp huyện về khen thưởng cho gia đình					
84.	Công nhận Ban vận động thành lập hội	1.003503	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
85.	Thủ tục thành lập Hội	1.003827	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
86.	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	1.003827	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
87.	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1.003783	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
88.	Thủ tục đổi tên hội	1.003757	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
89.	Thủ tục hội tự giải thể	1.003732	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
90.	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội		Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
91.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.005206	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
92.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ	1.005208	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
93.	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ		Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
94.	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ	1.003889	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
95.	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1.005206	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	

96.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động		Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
97.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	1.005204	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
98.	Thủ tục đổi tên quỹ	1.005203	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
99.	Thủ tục quỹ tự giải thể	1.005202	Tổ chức phi chính phủ	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	393 QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
100.	Thủ tục thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập		Tổ chức bộ máy	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018		
101.	Thủ tục thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập		Tổ chức bộ máy	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018		
102.	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập		Tổ chức bộ máy	Quyết định 3586/QĐ-UBND ngày 23/11/2018		
103.	Thành Lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện		Bảo trợ xã hội	Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
104.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện		Bảo trợ xã hội	Quyết định 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
105.	Cấp giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
106.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
107.	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
108.	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	2.000620	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		

109.	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
110.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
111.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
112.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
113.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
114.	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	2.001235	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
115.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	2.001231	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
116.	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ	1.002956	Lưu thông hàng hóa trong nước	Quyết định 689/QĐ-UBND ngày 13/3/2018		
117.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283	Khí dầu mỏ hóa chất	Quyết định 3128/QĐ-UBND ngày 19/10/2018		
118.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270	Khí dầu mỏ hóa chất	Quyết định 3128/QĐ-UBND ngày 19/10/2018		
119.	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261	Khí dầu mỏ hóa chất	Quyết định 3128/QĐ-UBND ngày 19/10/2018		
120.	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	1.002662	Quy hoạch – Kiến trúc	Quyết định 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017		

121.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	1.003141	Quy hoạch – Kiến trúc	Quyết định 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017		
122.	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP	1.007254	Hoạt động xây dựng	Quyết định 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017		
123.	Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh		Hoạt động xây dựng	Quyết định 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017		
124.	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh		Hoạt động xây dựng	Quyết định 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017		

	(Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình)					
125.	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1.002693	Hạ tầng kỹ thuật	Quyết định 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017		
126.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	1.007763	Nhà ở	Quyết định 3988/QĐ-UBND ngày 27/12/2017		
127.	Cấp phép thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ của hệ thống đường đô thị thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện quản lý		Giao thông vận tải	Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 28/2/2013		
128.	Cấp giấy phép thi công cải tạo vỉa hè đối với đường đô thị thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện quản lý		Giao thông vận tải	Quyết định số 566/QĐ-UBND ngày 28/2/2013		
129.	Thủ tục cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông để thực hiện: tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước; điếm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điếm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình		Giao thông vận tải	Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 30/3/2015		
130.	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông đối với: Điếm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điếm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường		Giao thông vận tải	Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 30/3/2015		

	đô thị					
131.	Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường để trồng, giữ xe có thu phí		Giao thông vận tải	Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 30/3/2015		
132.	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	1.003319	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 05/10/2018		
133.	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	1.003281	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 05/10/2018		
134.	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	1.003274	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 05/10/2018		
135.	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	1.001676	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 05/10/2018		
136.	Cấp lại Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	1.001350	Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 05/10/2018		
137.	Hỗ trợ dự án liên kết		Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019		
138.	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh( đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư		Lâm nghiệp	Quyết định 2990/QĐ-UBND ngày 05/10/2018		
139.	Thủ tục Phê duyệt điều chỉnh thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	1.007919	Lâm nghiệp	Quyết định 532/QĐ-UBND ngày 16/3/2020	Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	
140.	Thủ tục xác nhận bản kê lâm sản(cấp huyện)		Lâm nghiệp	Quyết định 2543/QĐ-UBND ngày 06/8/2019	Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020	
141.	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do		Thủy lợi	Quyết định 2990/QĐ-		

	UBND cấp tỉnh phân cấp ( UBND cấp huyện phê duyệt)			UBND ngày 05/10/2018	
142.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện( trên địa bàn từ 02 xã trở lên)		Thủy lợi	Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	
143.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện ( trên địa bàn từ 02 xã trở lên)		Thủy lợi	Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	
144.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003471	Thủy lợi	Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	
145.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003347	Thủy lợi	Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 30/01/2019	
146.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)		Nông nghiệp	Quyết định 983/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	
147.	Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới		Nông nghiệp	Quyết định 1544/QĐ-UBND ngày 15/6/2015	
148.	Thủ tục công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		Thủy sản	Quyết định 2543/QĐ-UBND ngày 6/8/2019	Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020
149.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		Thủy sản	Quyết định 2543/QĐ-UBND ngày 6/8/2019	Quyết định 10/QĐ-UBND ngày 06/01/2020
150.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	016.05.002	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020

151.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	016.05.003	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
152.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	016.05.004	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
153.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	016.05.006	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
154.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	016.05.007	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
155.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	016.05.017	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
156.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	016.05.008	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
157.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QTTP 20	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
158.	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	016.05.009	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
159.	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	016.05.010	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
160.	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	016.05.011	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	



161.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	016.05.013	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
162.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	016.05.015	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
163.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	016.05.018	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
164.	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	016.05.019	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
165.	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	016.05.021	Hộ tịch	Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định 565/QĐ-UBND ngày 19/3/2020	
166.	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	016.01.013	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
167.	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	016.01.014	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
168.	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	016.01.015	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
169.	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	016.01.016	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
170.	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	016.01.005	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		

171.	Thủ tục Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
172.	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	016.01.018	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
173.	Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	016.01.019	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
174.	Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	016.01.020	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
175.	Thủ tục Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	016.01.021	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
176.	Thủ tục Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	016.01.022	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
177.	Thủ tục Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	016.01.023	Chứng thực	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
178.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	016.01.024	Hòa giải ở cơ sở	Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 04/10/2018		
179.	Thủ tục phục hồi danh dự		Bồi thường nhà nước	Quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2020	
180.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		Bồi thường nhà nước	Quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 20/01/2020	
181.	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật	016.08.001	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 26/01/2018		

182.	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật	016.08.002	Phổ biến, giáo dục pháp luật	Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 26/01/2018		
183.	Đăng ký thành lập Hợp tác xã	1.005280	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
184.	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	2.002123	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
185.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký HTX	1.005277	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
186.	Đăng ký khi HTX chia	2.002122	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
187.	Đăng ký khi HTX tách	2.002120	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
188.	Đăng ký khi HTX hợp nhất	1.005121	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
189.	Đăng ký khi HTX sáp nhập	1.004972	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
190.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký HTX, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (khi bị mất hoặc bị hư hỏng)	2.001973	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
191.	Thủ tục giải thể tự nguyện HTX	1.004982	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
192.	Đăng ký thay đổi một số nội dung đăng ký chi nhánh văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh HTX	1.005378	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
193.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký HTX	1.004979	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	

194.	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX	2.001958	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
195.	Tạm ngừng hoạt động của HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	1.005377	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
196.	Chấm dứt hoạt động của HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX	1.005010	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
197.	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký HTX	1.004901	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
198.	Thay đổi cơ quan đăng ký HTX	1.004895	Thành lập và hoạt động của HTX	Quyết định 2328/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
199.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612	Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh	Quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
200.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720	Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh	Quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
201.	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	1.001570	Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh	Quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
202.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266	Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh	Quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
203.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575	Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh	Quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 24/6/2019	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 21/4/2020	
204.	Thủ tục thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	1.005429	Quản lý công sản	Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 26/5/2018		
205.	Thủ tục mua quyền hóa đơn	1.005434	Quản lý công sản	Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 26/5/2018		
206.	Thủ tục mua hóa đơn lẻ	1.005435	Quản lý công sản	Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 26/5/2018		

207.	Thủ tục Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan tổ chức, đơn vị	1.005417	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
208.	Thủ tục Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	1.005420	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
209.	Thủ tục Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e Khoản 1 Điều 41 của Luật quản lý, sử dụng tài sản công	1.005421	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
210.	Thủ tục Quyết định điều chuyển tài sản công	1.005422	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
211.	Thủ tục Quyết định bán tài sản công	1.005423	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
212.	Thủ tục Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	1.005424	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
213.	Thủ tục Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	1.005425	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
214.	Thủ tục Quyết định thanh lý tài sản công	1.005426	Quản lý công sản	Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 10/4/2019	
215.	Thủ tục thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm của UBND cấp huyện, UBND		Lĩnh vực tài chính ngân sách	Quyết định 1401/QĐ-UBND ngày 02/6/2015		

	cấp xã					
216.	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	1.001622	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 23/5/2018		
217.	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	2.001839	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
218.	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	2.001824	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
219.	Thành lập lớp năng khiếu thể dục thể thao thuộc trường tiểu học, trường trung học cơ sở	006.01.048	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
220.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.	1.004515	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
221.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở	006.01.065	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
222.	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	1.005106	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
223.	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	006.01.086	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
224.	Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu	006.01.084	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
225.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập	2.001908	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
226.	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập	2.001912	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
227.	Chuyển trường đối với học sinh	1.004831	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		

	trung học cơ sở					
228.	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở		Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
229.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1.005099	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
230.	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn		Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
231.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở dân tộc thiểu số rất ít người	1.003702	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
232.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1.001714	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
233.	Xét tuyển sinh vào trường Phổ thông dân tộc nội trú	1.005090	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 18/6/2018		
234.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	1.005092	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa		
235.	Thủ tục chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	2.001914	Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa		
236.	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	1.004442	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	

237.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1.004444	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
238.	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	1.004475	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
239.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	2.001809	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
240.	Giải thể trường trung học cơ sở	2.001818	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
241.	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	1.004545	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
242.	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú		Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
243.	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	1.004555	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
244.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	2.001842	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
245.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1.004552	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
246.	Sáp nhập, chia, tách trường Tiểu học	1.004563	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
247.	Giải thể trường Tiểu học	1.001639	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
248.	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	006.01.049	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
249.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1.004440	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
250.	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung		Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	



	học cơ sở hoạt động giáo dục					
251.	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ tư thục	1.004494	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
252.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1.006390	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
253.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	006.01.073	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
254.	Sáp nhập, chia tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	006.01.055	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
255.	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên	006.01.076	Giáo dục và Đào tạo	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 23/3/2020	
256.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	BYT-KHA-287064-01	An toàn thực phẩm	Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 03/9/2019	
257.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện		Khiếu nại tố cáo	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
258.	Xử lý đơn tại cấp huyện		Khiếu nại tố cáo	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
259.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp huyện		Khiếu nại tố cáo	Quyết định 3596/QĐ-UBND ngày 26/11/2019		
260.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện		Khiếu nại tố cáo	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
261.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện		Khiếu nại tố cáo	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		

262.	Thủ tục thực hiện việc kê khai		Phòng chống tham nhũng	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
263.	Thủ tục công khai bản kê khai tài sản, thu nhập		Phòng chống tham nhũng	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
264.	Thủ tục xác minh tài sản thu nhập		Phòng chống tham nhũng	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
265.	Thủ tục nhận yêu cầu giải trình		Phòng chống tham nhũng	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
266.	Thủ tục nhận thực hiện giải trình		Phòng chống tham nhũng	Quyết định 474/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
267.	Thủ tục thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng			Quyết định 478/QĐ-UBND ngày 20/02/2019	Quyết định 2193/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	
	Tổng cộng					
	Tổng số thủ tục hành chính được phê duyệt quy trình nội bộ/ tổng số thủ tục hành chính từng cấp	144/267 TTHC cấp huyện				
	Tổng số thủ tục hành chính đã được công khai trên cơ sở dữ liệu Cổng dịch vụ công quốc gia, tuy nhiên chưa được Chủ tịch UBND tỉnh công bố	Không có				

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**  
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Khánh Sơn)

<b>TT</b>	<b>Thủ tục hành chính</b>	<b>Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Quyết định công bố hoặc công bố danh mục TTHC</b>	<b>Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>						
1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	1.004441.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 05/3/2020	
2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004492.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	1.004443.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Sáp nhập, chia tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	1.004485.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	2.001810.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 14/6/2018		
<b>2. LĨNH VỰC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO</b>						
1	Giải quyết tố cáo tại cấp xã	1.005460.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 3597/QĐ-UBND ngày		

				26/11/2019		
<b>3. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</b>						
1	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	2.001790. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 09/02/2018		
2	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	2.001907. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Tiếp nhận yêu cầu giải trình	2.001798. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Thực hiện việc giải trình	2.001797. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>4. LĨNH VỰC VĂN HÓA VÀ THỂ THAO</b>						
1	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản	1.005440. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1289/QĐ- UBND ngày 05/6/2020	
2	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	2.000794. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1289/QĐ- UBND ngày 05/6/2020	
3	Thủ tục xét tặng gia đình văn hóa hàng năm	1.000954. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1289/QĐ- UBND ngày 05/6/2020	
4	Thủ tục xét tặng giấy khen gia đình văn hóa	1.001120. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1289/QĐ- UBND ngày 05/6/2020	
5	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	1.003622. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 27/3/2020	Quyết định số 1289/QĐ- UBND ngày 05/6/2020	
<b>5. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (5)</b>						

1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	1.000775. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 22/8/2018	Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	2.000346. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	2.000337. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	1.000748. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến	2.000305. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>6. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO</b>						
1	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	2.000509. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 06/4/2018	Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 20/02/2020	
2	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.001028. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001055. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001078. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.001085. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
6	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001090. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
7	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.001098. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
8	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.001109. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
9	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.001156. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
10	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001167. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>7. LĨNH VỰC DÂN TỘC</b>						

1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1401/QĐ-UBND ngày 23/5/2018	Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 30/01/2020	
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>8. LĨNH VỰC HỘ TỊCH (17)</b>						
1	Đăng ký khai sinh	1.001193. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
2	Đăng ký kết hôn	1.000894. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	1.001193. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
5	Đăng ký khai tử	1.000656. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
6	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
7	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	

8	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
9	Đăng ký giám hộ	1.004837. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
10	Đăng ký chấm dứt giám hộ	1.004845. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
11	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi; bổ sung hộ tịch	1.004859. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
13	Đăng ký lại khai sinh	1.004884. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004771. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
15	Đăng ký lại kết hôn	1.004746. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ- UBND ngày 25/3/2020	
16	Đăng ký lại khai tử	1.005461.	Thông nhất theo		Quyết định số	

		000.00.00.H32	Quyết định công bố		657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố		Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	
<b>9. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC (11)</b>						
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	2.000908. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 01/6/2018		
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	2.000815. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	2.000913. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Chứng thực sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		Thông nhất theo Quyết định công bố			
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	2.000942. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
7	Chứng thực hợp đồng liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	2.001035. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
8	Chứng thực di chúc	2.001019. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	2.001016. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	2.101406. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà động sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	2.001009. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>10. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (2)</b>						



1	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2.001457. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 26/01/2018		
2	Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	2.001449. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>11. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI (2)</b>						
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	2.001263. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2449/QĐ- UBND ngày 30/7/2019	Quyết định số 311/QĐ- UBND ngày 10/02/2020	
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	2.001255. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>12. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC (1)</b>						
1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	2.002165. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	Quyết định số 146/QĐ- UBND ngày 20/01/2020	
<b>13. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ (4)</b>						
1	Công nhận hòa giải viên	2.000373. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2954/QĐ- UBND ngày 04/10/2018		
2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	2.000333. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Thôi làm hòa giải viên	2.000930. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2.002080. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>14. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (1)</b>						
1	Thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm của UBND cấp xã		Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1401/QĐ- UBND ngày 02/06/2015		

<b>15. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI (5)</b>						
1	Hòa giải tranh chấp đất đai	1.003554. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 26/01/2018		
2	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã		Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã		Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1034/QĐ- UBND ngày 10/4/2019		
4	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã		Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Đăng ký thay đổi bổ sung tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã		Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>16. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG (4)</b>						
1	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường		Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2380/QĐ-		
2	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết		Thông nhất theo Quyết định công bố	UBND ngày 15/8/2016		
3	Tham vấn ý kiến trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	2.002213. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 19/02/2020	Quyết định số 888/QĐ- UBND ngày 20/4/2020	
4	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	1.004082. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 26/01/2018		
<b>17. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH (1)</b>						
1	Thủ tục giải quyết chế độ hỗ trợ và cấp “Giấy chứng nhận” đối với người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo		Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 3648/QĐ-		

	vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài ủy quyền cho thân nhân ở trong nước kê khai, nhận chế độ.			UBND ngày 04/9/2018		
<b>18. LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO (2)</b>						
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	1.000506. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/01/2019		
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	1.000489.000. 00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>19. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (15)</b>						
1	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	2.000602. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 04/4/2018	Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 01/7/2019	
2	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	1.001699. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	1.001653. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
6	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	2.000355. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
7	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	1.001310. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 27/7/2018		
8	Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (Đã được công bố tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa).	1.001776. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 20/02/2019		

9	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Đã được công bố tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa).		Thống nhất theo Quyết định công bố			
10	Thủ tục thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Đã được công bố tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa).		Thống nhất theo Quyết định công bố			
11	Hỗ trợ kinh phí nhận nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 26/7/2018		
12	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)		Thống nhất theo Quyết định công bố			
13	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng	1.001731. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố			
14	Thực hiện hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng		Thống nhất theo Quyết định công bố			
15	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.		Thống nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		
<b>20. LĨNH VỰC BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM (7)</b>						
1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	1.004946. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 20/4/2018		
2	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2.001947. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố			
3	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế	1.004941. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố			

	không phải là người thân thích của trẻ em					
4	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	2.001944. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	1.004944. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 26/7/2018		
6	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	2.001942. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
7	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	1.001310. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 27/7/2018		
<b>21. LĨNH VỰC CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG (1)</b>						
1	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	1.004964. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 06/6/2018		
<b>22. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (21)</b>						
1	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	2.001382. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2128/QĐ-UBND ngày 26/7/2018		
2	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	1.003337. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng tử trần	1.002252. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 27/7/2018		
4	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công tử trần	1.002271.000. 00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
5	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ	1.002305.	Thông nhất theo			

		000.00.00.H32	Quyết định công bố			
6	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	1.002363. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
7	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.002410. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
8	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.003351. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
9	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	1.002429. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
10	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1.002440. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
11	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	1.003423. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
12	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1.006779. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
13	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	1.002519. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
14	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết		Thông nhất theo Quyết định công bố			
15	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân		Thông nhất theo Quyết định công bố			
16	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	1.002741. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
17	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	1.002745. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
18	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001157. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
19	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	2.001396. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			

20	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	1.003057. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
21	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>23. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI (3)</b>						
1	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	1.003521. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 21/11/2017		
2	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	1.000132. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Hỗ trợ văn hóa học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	2.001661. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 27/11/2017		
<b>24. LĨNH VỰC THỦY LỢI (3)</b>						
1	Nhận hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	2.001621. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 25/9/2018		
2	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003440. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 30/01/2019		
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1.003446. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>25. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (3)</b>						
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1.003596.	Thông nhất theo	Quyết định số		

		000.00.00.H32	Quyết định công bố	985/QĐ-UBND ngày 08/4/2019		
<b>26. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT (1)</b>						
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	1.008004. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 402/QĐ-UBND ngày 21/02/2020	Quyết định số 954/QĐ- UBND ngày 27/4/2020	
<b>27. LĨNH VỰC LIÊN THÔNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (18)</b>						
1	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, Đăng ký thường trú, Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2.000986. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1187/QĐ- UBND ngày 27/4/2017		
2	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi	2.001023. 000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Liên thông các thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú		Thông nhất theo Quyết định công bố			
4	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)		Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 147/QĐ-UBND ngày 14/01/2019		
5	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần		Thông nhất theo Quyết định công bố			
6	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)		Thông nhất theo Quyết định công bố			
7	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007		Thông nhất theo Quyết định công bố			



8	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh		Thống nhất theo Quyết định công bố			
9	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 07/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp nước bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc		Thống nhất theo Quyết định công bố			
10	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế		Thống nhất theo Quyết định công bố			
11	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)		Thống nhất theo Quyết định công bố			
12	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng người có công với cách mạng từ trần		Thống nhất theo Quyết định công bố			
13	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)		Thống nhất theo Quyết định công bố			
14	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng mai táng phí đối với thân nhân liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hàng tháng, người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng, Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007		Thống nhất theo Quyết định công bố			

15	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng thực hiện theo Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Cựu chiến binh		Thống nhất theo Quyết định công bố			
16	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 07/11/2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp nước bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc		Thống nhất theo Quyết định công bố			
17	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai tử, hưởng mai táng phí đối với đối tượng hưởng trợ cấp theo Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/01/2015 về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế		Thống nhất theo Quyết định công bố			
18	Liên thông thủ tục đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú (Trường hợp xóa đăng ký thường trú thuộc thẩm quyền giải quyết của Công an cấp huyện)		Thống nhất theo Quyết định công bố			
<b>28. LĨNH VỰC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH (1)</b>						
1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	1.005364. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 17/6/2019	Quyết định số 3667/QĐ-UBND ngày 04/12/2019	
<b>29. LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI (3)</b>						
1	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	2.002163. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 15/10/2019		
2	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2.002161. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố			
3	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	2.002162. 000.00.00.H32	Thống nhất theo Quyết định công bố			
<b>30. LĨNH VỰC BẢO HIỂM (1)</b>						

1	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005412.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 24/10/2019		
<b>31. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC</b>						
1	Thông báo thành lập tổ hợp tác	2.002226.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố	Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 14/01/2020		
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	2.002227.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	2.002228.000.00.00.H32	Thông nhất theo Quyết định công bố			
<b>Tổng cộng: 218 thủ tục/31 lĩnh vực (trong đó có 30 TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ 32/218 TTHC cấp xã</b>						

**Biểu số 05a/VPCP/KSTT**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 02/2017/ TT-VPCP ngày  
 31/10/2017)

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN  
 NGHỊ (PAKN) VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý I năm 2020

(Từ ngày 16 tháng 12 năm 2019 đến ngày 15 tháng 3 năm 2020)

**Đơn vị báo cáo:** UBND huyện Khánh Sơn  
**Đơn vị nhận báo cáo:** Văn phòng UBND tỉnh  
 (Phòng Kiểm soát TTHC)

*Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị*

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Số PAKN về quy định hành chính được tiếp nhận (bao gồm kỳ trước chuyển qua)			Kết quả xử lý PAKN về quy định hành chính								Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã xử lý				Đang xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính		Chia theo nội dung PAKN		Chia theo thời điểm tiếp nhận		Tổng số	Chia ra		
					Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Tiếp nhận mới trong kỳ	Kỳ trước chuyển qua		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
A	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
I. Cấp huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
II. Cấp xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**Biểu số 06b/VPCP/KSTT**  
Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày  
31/10/2017.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC TẠI CƠ QUAN, Đơn vị báo cáo: UBND huyện  
Khánh Sơn**  
**ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP GIẢI QUYẾT TTHC**

Kỳ báo cáo: Quý I Năm 2020  
(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến ngày 15 tháng 6 năm 2020)

**Đơn vị nhận báo cáo: Văn phòng  
UBND tỉnh (Phòng Kiểm soát  
TTHC)**

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết				Kết quả giải quyết						Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
		Tổng số	Trong đó			Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			Tổng số	Đã giải quyết		Đang giải quyết
			Số mới tiếp nhận trực tuyến	Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính)	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		Đúng thời hạn	Quá thời hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện</b>	<b>147</b>	<b>17</b>	<b>36</b>	<b>94</b>	<b>112</b>	<b>111</b>	<b>1</b>	<b>35</b>	<b>35</b>	<b>0</b>	<b>147</b>	<b>111</b>	<b>1</b>	<b>35</b>
1	An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	4	1	1	2	4	4	0	0	0	0	4	4	0	0
2	Thành lập và hoạt động hộ kinh doanh	22	7	0	15	22	22	0	0	0	0	22	22	0	0

3	Quản lý hoạt động xây dựng	20	7	3	10	19	19	0	1	1	0	20	19	0	1
4	Đất đai	86	0	31	55	53	53	0	33	33	0	86	53	0	33
5	Giáo dục và Đào tạo	8	1	0	7	8	8	0	0	0	0	8	8	0	0
6	Thi đua - khen thưởng	4	0	1	3	3	3	0	1	1	0	4	3	0	1
7	Tư pháp	8	1	0	7	8	7	1	0	0	0	8	7	1	0
<b>II</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (8 đơn vị cấp xã)</b>	2.402	215	12	2.175	2.379	2.377	2	23	23	0	2.402	2.377	2	23
1	Đất đai	15	0	4	11	6	6	0	9	9	0	15	6	0	9
2	Bảo trợ xã hội	69	0	4	65	66	66	0	3	3	0	69	66	0	3
3	Người có công	6	0	0	6	4	4	0	2	2	0	6	4	0	2
4	Tư pháp – Chứng thực	1.753	0	0	1.753	1.753	1.753	0	0	0	0	1.753	1.753	0	0
5	Tư pháp – Hộ tịch	356	195	2	159	355	355	0	1	1	0	356	355	0	1
6	Thi đua khen thưởng	3	0	0	3	2	2	0	1	1	0	3	2	0	1

7	Giảm nghèo	2	0	0	2	2	2	0	0	0	0	2	2	0	0
8	Thanh tra	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0
9	Liên thông các thủ tục hành chính	197	20	2	175	190	188	2	7	7	0	197	188	2	7

**Biểu số 06g/VPCP/KSTT**

Ban hành theo Thông tư số  
02/2017/TT-VPCP ngày  
31/10/2017.

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI  
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG  
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2020  
(Từ ngày 16 tháng 3 năm 2020 đến ngày 15 tháng 6 năm 2020)

**Đơn vị báo cáo:** UBND huyện  
Khánh Sơn

**Đơn vị nhận báo cáo:** Văn phòng  
UBND tỉnh (Phòng Kiểm soát  
TTHC)

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

**I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN**

<b>STT</b>	<b>Lĩnh vực, công việc giải quyết</b>	<b>Số lượng hồ sơ</b>	<b>Nguyên nhân quá hạn</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Liên thông các thủ tục hành chính (cấp xã)	02	Do bộ phận chuyên môn quên xử lý	
2	Lĩnh vực Hộ tịch (cấp huyện)	01	Do công chức chuyên môn nghỉ phép đột xuất không kịp xử lý	



**BẢNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ VÀ CÔNG CHỨC**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 6 năm 2020 của UBND huyện Khánh Sơn)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Xếp loại cơ quan, đơn vị	Tỷ lệ cán bộ, công chức		
			Hoàn thành 100% nhiệm vụ	Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% nhiệm vụ	Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Xuất sắc	x		
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Xuất sắc	x		
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Xuất sắc	x		
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Xuất sắc	X		
5	Phòng Nội vụ	Xuất sắc	x		
6	Phòng Tư pháp	Xuất sắc	x		
7	Phòng Nội vụ	Xuất sắc	x		
8	Phòng Y tế	Xuất sắc	x		

